

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME): CỬ NHÂN KHOA HỌC MÁY TÍNH (BACHELOR OF COMPUTER SCIENCE)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION): ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)

NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): KHOA HỌC MÁY TÍNH
(COMPUTER SCIENCE)

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE): 7480101

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION): CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Khoa học máy tính có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt; có hiểu biết cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Công nghệ thông tin, đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc và có khả năng học tập nâng cao.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Làm việc tại các doanh nghiệp của Việt Nam và nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, nội dung số; các tổ chức kinh tế xã hội; các Bộ phận chức năng Công nghệ thông tin thuộc các Ngân hàng, các tổ chức tài chính; các Cục, Phòng, Ban và Trung tâm Công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước Trung ương và Địa phương, các Bộ ngành; làm giảng viên Công nghệ thông tin trong các trường đại học.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức: Hiểu biết cơ bản về kinh tế; được trang bị hệ thống kiến thức chuyên sâu về Công nghệ thông tin; nắm vững qui trình, công nghệ lập trình hiện đại; có kiến thức phân tích, thiết kế, triển khai, bảo mật các hệ thống thông tin bằng các phương pháp, công cụ, môi trường tiên tiến đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

2.2. Kỹ năng: Có kỹ năng nghề nghiệp, khả năng quản trị, vận hành, bảo trì và khai thác các hệ thống máy tính trong các lĩnh vực khác nhau như kinh tế, kỹ thuật, dịch vụ, quốc phòng; có kỹ năng làm việc theo nhóm; nghiên cứu, lập luận, giao tiếp và xử lý tình huống; tổng hợp, phân tích, đánh giá, ra quyết định. Có năng lực tham mưu, tư vấn, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ trong lĩnh vực Công nghệ thông tin. Đạt chuẩn mực chung của một cử nhân công nghệ thông tin cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cử nhân Khoa học máy tính có đạo đức, bản lĩnh và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc. Có năng lực dẫn dắt về nghiệp vụ ngành Khoa học máy tính; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có tư duy hệ thống trong các bài toán kinh tế, xã hội, kinh doanh; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

2.4. Về ngoại ngữ và tin học

Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 5.5 (được ban hành và công bố theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy

theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	43	
Các học phần bắt buộc chung	16	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
Các học phần bắt buộc của Trường	9	Trường quy định bắt buộc
Các học phần bắt buộc của ngành	18	Viện tự xây dựng và tự chọn từ tổ hợp của Trường
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.2. Kiến thức ngành	44	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	29	Viện tự xây dựng
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (05 học phần) trong tổ hợp sau
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (06 học phần) trong tổ hợp sau
2.3. Chuyên đề thực tập	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể GDQP&AN và GDTC